

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 01 - 2023

V/v “tranh chấp ly hôn, đòi tài sản,
hợp đồng vay tài sản, hợp đồng
góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin;
2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 979/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, đòi tài sản, hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 411/2022/QĐXX-ST ngày 13/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 359/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thanh Th, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp A1, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Thái Hoàng D – Văn phòng luật sư Ng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp A1, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị Ph, sinh năm 1962 (có mặt).
2. Ông Hồ Văn Th1, sinh năm 1962 (chết ngày 18/11/2022).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Th:

- Bà Đặng Thị Ph, sinh năm 1962 (có mặt).
- Ông Hồ Thanh H, sinh năm 1987 (xin vắng mặt);
- Ông Hồ Thanh Bảo Tr, sinh năm 1991 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A1, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An;

3. Bà Nguyễn Thị Thanh Th2, sinh năm 1977 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A1, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An;

4. Bà Trần Thiên L, sinh năm 1987 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A1, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An;

5. Bà Võ Thị H, sinh năm 1961 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A2, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thanh Th trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Ninh Đông ngày 23/3/2004, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 7/2022. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H đam mê cờ bạc gây nợ nần, thường xuyên gây gỗ, không tìm được tiếng nói chung. Cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên bà yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 09/4/2003, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 01/01/2013. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, bà và ông H có các khoản nợ chung sau:

1. Nợ bà Đặng Thị Ph, ông Hồ Văn Th1 số tiền 30.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K, 03 chỉ vàng SJC; bà đã trả được 10.000.000 đồng.

2. Nợ bà Trần Thiên L số tiền 108.000.000 đồng tiền hụi, đã trả được 10.000.000 đồng.

3. Nợ bà Nguyễn Thị Thanh Th2 số tiền 230.000.000 đồng; đã trả được 20.000.000 đồng.

4. Nợ bà Võ Thị H số tiền 300.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24K, đã trả được 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Th về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống không mâu thuẫn. Trong thời gian dịch bệnh, ông làm việc 03 tại chỗ tại Công ty. Ngày 01/11/2021, ông về nhà Ngày 02/11/2021, bà Th bỏ nhà đi, sau đó nộp đơn ly hôn tại Tòa án vào tháng 3/2022 nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Ông biết và bắt gặp bà Th có quan hệ tình cảm bất chính với người đàn ông khác.

Đến nay, bà Th lại khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý. Lý do ông H không đồng ý ly hôn là do vợ chồng chưa giải quyết xong nợ chung và tài sản chung.

Về con chung: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Th. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

Ông thừa nhận, ông và bà Th có vay của bà Ph, ông Th 30.000.000 đồng theo Biên nhận mượn tiền ngày 11/01/2021 và mượn 20 chỉ vàng 24K; 03 chỉ vàng SJC theo Biên nhận cùng ngày. Nay bà Ph, ông Th yêu cầu vợ chồng ông phải liên đới trả số tiền 30.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K; 03 chỉ vàng SJC, không yêu cầu tính lãi, ông đồng ý. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Th trình bày đã trả cho bà Ph, ông Th số tiền 10.000.000 đồng, ông xác nhận đây là tiền riêng của bà Th, không liên quan đến ông nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với số tiền hui 98.000.000 đồng: Đây là nợ riêng của bà Th với bà L, ông không có nghĩa vụ với số nợ này.

Đối với nợ chung của bà Th2 và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ông không có ý kiến.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Ph trình bày:

Bà và ông Th (chết ngày 18/11/2022, theo Trích lục khai tử số 350/TLKT-BS ngày 23/11/2022) là vợ chồng hợp pháp. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Thành gồm vợ là bà Ph và các con là ông H và ông Tr. Ông bà có cho ông H, bà Th vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất theo Biên nhận mượn tiền ngày 11/01/2021 và cho mượn 20 chỉ vàng 24K; 03 chỉ vàng SJC, thời hạn hẹn trả là 02 tháng theo Biên nhận cùng ngày. Đến hạn, ông H, bà Th không trả tiền và vàng cho ông bà nên ông bà yêu cầu vợ chồng ông H, bà Th liên đới trả số tiền 30.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K; 03 chỉ vàng SJC, không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Th có trả số tiền 10.000.000 đồng nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật, cản trừ số tiền đã trả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh Th2 trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án:

Bà có cho ông H, bà Th mượn số tiền 430.000.000 đồng theo giấy cho mượn tiền ngày 25/5/2021. Bà Th đã trả cho bà được số tiền 40.000.000 đồng, còn nợ lại 390.000.000 đồng. Sau khi được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu độc lập trong vụ án; bà cam kết không yêu cầu. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp, bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Do công việc nhiều, không có thời gian đi lại Tòa án, bà đề nghị Tòa án cho tôi được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án tại các cấp xét xử, tôi không ý kiến hay khiếu nại gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án:

Bà có cho vợ chồng ông H, bà Th mượn số tiền 300.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 9999 và 96.000.000 đồng tiền hụi. Bà Th đã trả cho bà số tiền 8.000.000 đồng. Sau khi được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu độc lập trong vụ án; bà cam kết không yêu cầu. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp, bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Do công việc nhiều, không có thời gian đi lại Tòa án, bà đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án tại các cấp xét xử, bà không ý kiến hay khiếu nại gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thiên L trình bày:

Bà Th có có tham gia chơi 03 dây hụi của bà, đều đã hốt nhưng không đóng hụi chết. Ngày 02/6/2022, bà Th làm giấy chốt hụi cho bà và xác nhận còn nợ số tiền 108.000.000 đồng. Bà Th đã trả được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 98.000.000 đồng nên bà yêu cầu bà Th phải trả cho bà số tiền này. Bà chỉ yêu cầu cá nhân bà Th trả nợ cho bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, luật sư Thái Hoàng D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Th kiên quyết ly hôn, ông H không đưa ra biện pháp hàn gắn và không đồng ý ly hôn vì vợ chồng chưa giải quyết xong nợ chung, tài sản chung. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà Th và ông H là trầm trọng, không muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

Về con chung: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cháu H trên 07 tuổi đều có nguyện vọng sống cùng ông H và ông H cũng yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên đề nghị HĐXX giao con chung cho ông H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con nên bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về nợ chung:

Đối với nợ bà Ph, ông Th: Các đương sự đều thống nhất về các khoản nợ và đồng ý trả. Bà Th đã trả cho bà Ph, ông Th số tiền 10.000.000 đồng là tiền riêng của bà Th nên đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với nợ bà L: Theo giấy chốt nợ giữa bà Th và bà L có căn cứ xác định đây là nợ riêng của bà Th. Bà L chỉ khởi kiện bà Th phải trả số tiền hụi 98.000.000 đồng nên đề nghị HĐXX buộc bà Th phải trả cho bà L số tiền này.

Đối với nợ bà Th2, bà H: Bà Th2 và bà H không có yêu nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phan Thanh Th nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Văn H có địa chỉ cư trú tại xã A, huyện Đ, tỉnh Long An. Người có quyền lợi liên quan có yêu cầu độc lập về tiền hụi, tiền vay và đòi số vàng cho mượn nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là “tranh chấp về ly hôn, đòi tài sản; tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng góp hụi”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Phan Thanh Th có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, căn cứ vào Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ.

Bà Th, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan H, Tr, Th2, H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông H tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Ninh Đông ngày 23/3/2004 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ phần trình bày của bà Th về mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn, hiện không còn sống chung, không quan tâm lo lắng cho nhau, bà Th vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Ông H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn và cho rằng lý do ông không đồng ý ly hôn là vợ chồng chưa giải quyết xong nợ chung và tài sản chung.

Qua đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thanh Th.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 09/4/2003 hiện đã trưởng thành và Nguyễn Thị

Ngọc H, sinh ngày 01/01/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, cháu H trên 07 tuổi đều có nguyện vọng sống cùng ông H; đồng thời ông H cũng yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Căn cứ điều kiện sống của con chung, nguyện vọng của cháu H và để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu, HĐXX quyết định giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu nên bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung:

Nợ bà Ph, ông Th: Bà Ph và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Th giữ nguyên yêu cầu độc lập buộc ông H, bà Th phải liên đới trả số tiền vay 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và 20 chỉ vàng 24K và 03 chỉ vàng SJC. Các đương sự đều thống nhất về khoản nợ này và xác nhận bà Th đã trả cho bà Ph, ông Th số tiền 10.000.000 đồng là tiền riêng của bà Th. Vì là nợ chung nên bà Th và ông H có nghĩa vụ chung như nhau. Đối với khoản vay 30.000.000 đồng, bà Th đã trả cho bà Ph, ông Th số tiền 10.000.000 đồng nên bà Th có nghĩa vụ trả tiếp 5.000.000 đồng. Ông H có nghĩa vụ trả 15.000.000 đồng. Đối với 20 chỉ vàng 24K và 03 chỉ vàng SJC. Ông H và bà Th phải có nghĩa vụ liên đới trả là phù hợp. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Ph và ông Th (do bà Thanh, ông H và ông Tr kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng).

Nợ bà L: Bà L chỉ yêu cầu cá nhân bà Th trả số tiền hui 98.000.000 đồng theo giấy chốt hui ngày 02/6/2022 giữa bà L và bà Th. Xét yêu độc lập của bà L là có căn cứ và bà L chỉ khởi kiện cá nhân bà Th nên HĐXX chấp nhận yêu cầu độc lập của bà L đối với bà Th.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Th2, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung đối với ông H, bà Th nên HĐXX không xem xét giải quyết. Trường hợp, sau này các bên có phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí trên số tiền 98.000.000 đồng phải trả cho bà L là 4.900.000 đồng; án phí trên số tiền 5.000.000 đồng phải trả cho bà Thanh, ông Phan là 600.000 đồng. Tổng số tiền án phí bà Th phải chịu là 5.800.000 đồng. Ông H phải chịu án phí trên số tiền 15.000.000 đồng phải trả cho bà Ph, ông Th là 750.000 đồng. Ông H và bà Th phải liên đới chịu án phí trên tổng giá trị 20 chỉ vàng 24K ($5.455.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ chỉ} = 109.100.000 \text{ đồng}$) và 03 chỉ vàng SJC ($6.730.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ chỉ} = 20.190.000 \text{ đồng}$) phải trả cho bà Ph, ông Th là 6.464.500 đồng. Giá trị vàng bằng tiền được tính theo giá niêm yết cập nhật tại thời điểm xét xử ngày 09/01/2023.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 166, 463, 471, 357, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phan Thanh Th đối với ông Nguyễn Văn H.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị Ph và ông Hồ Văn Th1 (do bà Đặng Thị Ph, ông Hồ Thanh H, ông Hồ Thanh Bảo Tr kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi tài sản đối với bà Phan Thanh Th, ông Nguyễn Văn H.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thiên L về việc tranh chấp hợp đồng góp hội đối với bà Phan Thanh Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thanh Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 01/01/2013.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con do ông H không yêu cầu.

4. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về nợ chung:

5.1. Buộc bà Phan Thanh Th phải trả cho bà Đặng Thị Ph và ông Hồ Văn Th1 (do bà Đặng Thị Ph, ông Hồ Thanh H, ông Hồ Thanh Bảo Tr kế thừa quyền

và nghĩa vụ tố tụng) số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

5.2. Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà Đặng Thị Ph và ông Hồ Văn Th1 (do bà Đặng Thị Ph, ông Hồ Thanh H, ông Hồ Thanh Bảo Tr kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*).

5.3. Buộc bà Phan Thanh Th phải trả cho bà Trần Thiên L số tiền 98.000.000 đồng (*chín mươi tám triệu đồng*).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

5.4. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thanh Th phải liên đới trả cho bà Đặng Thị Ph và ông Hồ Văn Th1 (do bà Đặng Thị Ph, ông Hồ Thanh H, ông Hồ Thanh Bảo Tr 20 (*hai mươi*) chỉ vàng 24K và 03 (*ba*) chỉ vàng SJC.

6. Về án phí:

Bà Phan Thanh Th phải chịu 5.800.000 đồng án phí; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000244 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà Th phải nộp tiếp số tiền 5.300.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 750.000 đồng án phí.

Bà Phan Thanh Th và ông Nguyễn Văn H phải liên đới chịu 6.464.500 đồng án phí.

Hoàn trả cho bà Trần Thiên L số tiền tạm ứng án phí 1.450.000 đồng theo Biên lai thu số 0007176 ngày 03/11/2022 và 1.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0007231 ngày 10/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trng thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đức Hòa
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Tho